

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PÁC NẶM  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ - ST

Ngày 18/8/2021

“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Tuấn**

**Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Hồng Thái**

**Bà Chu Thị Thi**

**- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Giang** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Cà Ngọc Tân** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2021 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-DS ngày 30/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bàn Văn L, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Thôn B, xã Ng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Bị đơn: Chị Bàn Thị N, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Thôn B, xã Ng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt lần 2 không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2021, ý kiến tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bàn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bàn Văn L và chị Bàn Thị N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ anh có mối quan hệ với người đàn ông khác, anh đã can ngăn nhưng vợ anh không nghe và đã bỏ nhà đi vào miền nam từ tháng 3/2017 cho đến nay không về, bỏ con cho mình anh chăm sóc, thỉnh thoảng vợ anh chỉ gọi điện

thoại về nhà hỏi thăm con nhưng không cho anh biết địa chỉ. Nay anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm giải quyết không công nhận anh và chị Bàn Thị N là vợ chồng

Về con chung: Anh Bàn Văn L và chị Bàn Thị N có 02 con chung tên là Bàn Thị Ph, sinh ngày xx/xx/20xx và Bàn Văn Ch sinh ngày xx/xx/20xx hiện nay cả hai con đều khỏe mạnh, phát triển bình thường con gái Bàn Thị Ph đã đi lấy chồng tại thôn C, xã Tr, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, còn con trai Bàn Văn Ch đang ở với anh tại Thôn B, xã Ng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Tại thời điểm anh L làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết con trai anh là Bàn Văn Ch chưa đủ 18 tuổi nên anh yêu cầu giải quyết nuôi con chung Bàn Văn Ch, nhưng nay Bàn Văn Ch đã đủ 18 tuổi và phát triển hoàn toàn bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung Bàn Văn Ch.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Bàn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng chị Bàn Thị N không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Bàn Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không công nhận là vợ chồng với chị Bàn Thị N. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung Bàn Văn Ch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Bàn Văn L với chị Bàn Thị N, đình chỉ yêu cầu giải quyết nuôi con chung Bàn Văn Ch, anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

Anh Bàn Văn L có đơn khởi kiện về việc không công nhận anh và chị Bàn Thị N là vợ chồng, nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn chị Bàn Thị N có hộ khẩu thường trú tại xã Ng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn do vậy việc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017. Chị Bàn Thị N đã được Tòa án triệu

tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Bàn Thị N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bàn Văn L và chị Bàn Thị N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2000. Tuy anh L và chị N xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, nhưng từ năm 2000 đến nay tuy có đủ điều kiện kết hôn, nhưng anh L và chị N vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định là vi phạm Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay do mâu thuẫn giữa hai người nên anh L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị N. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị N không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do vậy yêu cầu của anh L là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh L và chị N theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về nuôi con chung: Anh Bàn Văn L và chị Bàn Thị N có 02 con chung tên là Bàn Thị Ph, sinh ngày xx/xx/20xx và Bàn Văn Ch sinh ngày xx/xx/20xx hiện nay cả hai con đều khỏe mạnh, phát triển bình thường, con gái Bàn Thị Ph đã đi lấy chồng tại C, xã Tr, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, còn con trai Bàn Văn Ch đang ở với anh L tại Thôn B, xã Ng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Tại thời điểm anh L làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết con trai anh là Bàn Văn Ch chưa đủ 18 tuổi nên anh yêu cầu giải quyết nuôi con chung Bàn Văn Ch, nhưng nay Bàn Văn Ch đã đủ 18 tuổi và phát triển hoàn toàn bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung Bàn Văn Ch, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung Bàn Văn Ch do con chung đến nay đã đủ 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu của anh Bàn Văn L là tự nguyện và xét thấy con trai anh L là Bàn Văn Ch sinh ngày xx/xx/20xx tính đến ngày xét xử đã đủ 18 tuổi và phát triển hoàn toàn bình thường, do vậy đề nghị của anh L được Hội đồng xét xử xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Bàn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Bàn Văn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Bàn Văn L và chị Bàn Thị N là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết về việc nuôi con chung của anh Bàn Văn L và chị Bàn Thị N là Bàn Văn Ch, sinh ngày xx/xx/20xx.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh Bàn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí sơ thẩm: Anh Bàn Văn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số 01266 ngày 10/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận anh L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Bàn Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Bàn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhân:**

- VKSND huyện Pác Nặm. (01b)
- TAND tỉnh Bắc Kạn. (01b)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn.(01b)
- Chi cục THADS huyện Pác Nặm. (01b)
- UBND xã Ng. (01b)
- Các đương sự. (02b)
- Lưu hs; lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Hà Thanh Tuấn**